

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HS-ST
Ngày 08-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phương Ngọc Báu.

2. Bà: Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 77/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Văn V, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22 tháng 4 năm 19xx tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Xóm C - N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nông Văn L1 và bà Đàm Thị L2 (cả hai đều đã chết); Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có một tiền án, ngày 17/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, ngày 14/5/2020 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương; Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 02/6/2021 đến nay. Có mặt.

*** Người bị hại:**

- Lý Văn T, sinh năm 19xx.

- Nông Thị Q, sinh năm 19xx.

Cùng nơi cư trú: Xóm C - N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

*. *Người làm chứng*: Lý Thị R, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Xóm C – N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2021, Nông Văn V đến nhà anh Lý Văn T, hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 11F6 - 8025 đi mua ma túy. Mượn được xe, V điều khiển xe đến xóm N1 và xóm N2 thuộc xã Đ, huyện T để tìm mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, V chỉ có 76.000đ (bảy mươi sáu nghìn đồng) nên không mua được ma túy. Sau đó, V điều khiển xe đến thị trấn T. Tại đây, V bắt đầu nảy sinh ý định mang chiếc xe đi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng. V điều khiển xe đến tổ 4, thị trấn T, huyện T thì gặp 01 người đàn ông tự xưng tên là K, quê ở B, B. Qua nói chuyện, biết V có ý định cầm cố xe. K hỏi “muốn cầm bao nhiêu”? V nói “500.000đ (năm trăm nghìn đồng)”. K bảo “tao còn 300.000đ (ba trăm nghìn) thôi, có cầm thì tao cầm cho”. V đồng ý. Sau đó, V nhờ K chở đến xóm B, xã Đ, huyện T mua ma túy với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, V được K đưa về thị trấn T. Sau đó, K mang xe đi đâu, làm gì V không biết. Số tiền còn lại V đã chi tiêu hết. Do không thấy V đem xe đến trả nên anh T đã tìm gặp V hỏi về chiếc xe. V nói đã cầm cố ở thị trấn T và hứa sẽ chuộc lại cho anh T nhưng thực tế không có khả năng trả lại tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận: Giá trị còn lại của tài sản cần định giá ngày 14/4/2021 của 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 110, màu sơn đỏ, đăng ký ngày 17 tháng 2 năm 2006, biển kiểm soát 11F6- 8025, số khung: 008900, số máy 008900, xe được mua lại vào khoảng tháng 12 năm 2020 là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã tiến hành truy tìm chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 11F6 - 8025 nhưng không có kết quả. Đồng thời, tiến hành xác minh người đàn ông tên K qua lời kể của V, nhưng cũng không có ai tên K, sinh khoảng năm 1985, 1986 ở huyện B, B đăng ký thường trú, tạm trú tại thị trấn T.

Cáo trạng số 81/CT - VKSKT ngày 11 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Nông Văn V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai: Trong quá trình điều tra, truy tố cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật và thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình. Ngày 14/4/2021 có được mượn xe máy anh T để đi mua thuốc, nhưng do không đủ tiền nên nảy sinh ý định mang xe trên đi cầm cố. Khi lên thị trấn T bị cáo gặp một người tự xưng tên K quê ở B, B gì đó, qua trao đổi người đàn ông này cầm xe với số tiền 300.000đ. Sau đó chở bị cáo xuống B, Đ mua ma túy hết 200.000đ rồi quay lại cho bị cáo xuống thị trấn T, còn người đàn ông này đi đâu, làm gì bị cáo không biết. Nay bị cáo biết hành vi của mình là sai và nhất trí bồi thường giá trị xe cho gia đình anh T.

Đối với bị hại anh T, chị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ xác nhận ngày 14/4/2021 gia đình có cho V mượn xe máy nói là đi mua thuốc, nhưng sau đó không thấy trả nên đã trình báo Công an giải quyết. Chiếc xe này gia đình anh mua năm 2020 với giá 5.000.000đ. Nay yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe theo giá kết luận của Hội đồng định giá là 3.600.000đ và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn V từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 02/6/2021. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.600.000đ; Truy thu số tiền 300.000đ do thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm mất tài sản cũng như các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 14/4/2021, Nông Văn V đến nhà anh Lý Văn T, hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 11F6 - 8025 đi

mua ma túy. Mượn được xe, V điều khiển xe đến xóm N1 và xóm N2 thuộc xã Đ, huyện T để tìm mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, V chỉ có 76.000đ (bảy mươi sáu nghìn đồng) nên không mua được ma túy, rồi nảy sinh ý định mang chiếc xe đi cầm cố lấy tiền. Sau đó, V điều khiển xe đến thị trấn T thì gặp và cầm chiếc xe máy của anh T với 01 người đàn ông tự xưng tên là K, quê ở B, B với giá 300.000đ. Sau đó, V nhờ K chở đến xóm B, xã Đ, huyện T mua ma túy với số tiền 200.000đ và đưa về lại thị trấn T. Sau đó, K mang xe đi đâu, làm gì V không biết. chiếc xe được định giá 3.600.000đ.

Lợi dụng mối quan hệ quen biết và tin tưởng của bị hại nên sau khi mượn được tài sản, bị cáo đã có hành vi sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản chiếm đoạt tuy dưới 4.000.000đ, nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm. Đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tuy đã từng bị kết án về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng đây là tình tiết định khung hình phạt nên không coi bị cáo là tái phạm là đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị kết án về tội “Cướp tài sản” vừa chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, chưa được xóa án tích lại tiếp tục vi phạm; mục đích phạm tội để có tiền mua ma túy sử dụng. Điều này thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu, coi thường pháp luật nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và để phòng ngừa chung.

[4]. Đối với người đàn ông tên K qua lời kể của bị cáo, do không xác định được họ tên, tuổi địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không có căn cứ mở rộng điều tra vụ án là có căn cứ.

[5]. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để truy tìm chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 11F6 - 8025 nhưng không có kết quả.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị chiếm đoạt không có khả năng thu hồi nên bị cáo phải bồi thường cho bị hại bằng giá trị theo giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là 3.600.000đ. Ngoài ra, còn truy thu số tiền cầm cố 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội và bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nông Văn V 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 02/6/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lý Văn T. Trú tại: Xóm C - N, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Truy thu bị cáo số tiền thu lợi bất chính 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nông Văn V phải chịu 200.000đ án phí hình sự và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đoài Dương (*bằng TB*);
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nông Văn Tùng